

Số: 1310 /VSDTTU-KHQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Mời thẩm định giá gói thầu (lần 3)

Mua 65 danh mục sinh phẩm, hóa chất, vật tư thuộc đề tài cấp nhà nước năm 2023 thuộc đề tài “Khai thác và phát triển nguồn gen vi khuẩn kỵ khí Clostridioides difficile (PCR Ribotyping 369, 017, 012 và 046) để chế tạo kit chẩn đoán và phục vụ nghiên cứu sản xuất vắc xin phòng bệnh nhiễm trùng do Clostridioides difficile gây ra”, Mã số NVQG-2022/ĐT.08

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương đang tiến hành xây dựng giá gói thầu “*Mua 65 danh mục sinh phẩm, hóa chất, vật tư thuộc đề tài cấp nhà nước năm 2023*”, thuộc đề tài “Khai thác và phát triển nguồn gen vi khuẩn kỵ khí Clostridioides difficile (PCR Ribotyping 369, 017, 012 và 046) để chế tạo kit chẩn đoán và phục vụ nghiên cứu sản xuất vắc xin phòng bệnh nhiễm trùng do Clostridioides difficile gây ra” Mã số NVQG-2022/ĐT.08. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương kính mời các đơn vị đủ điều kiện thẩm định giá tham gia thẩm định giá cho nhiệm vụ trên của Viện, cụ thể như sau:

1. Danh mục hàng hoá cần thẩm định (theo phụ lục đính kèm);
2. Mục đích thẩm định giá: Xác định giá trần của sinh phẩm, hoá chất, vật tư xét nghiệm làm cơ sở phê duyệt giá kế hoạch gói thầu “*Mua 65 danh mục sinh phẩm, hóa chất, vật tư thuộc đề tài cấp nhà nước năm 2023*” thuộc nguồn vốn Đề tài Khai thác và phát triển nguồn gen vi khuẩn kỵ khí Clostridioides difficile (PCR Ribotyping 369, 017, 012 và 046) để chế tạo kit chẩn đoán và phục vụ nghiên cứu sản xuất vắc xin phòng bệnh nhiễm trùng do Clostridioides difficile gây ra” Mã số NVQG-2022/ĐT.08;
3. Tiêu chí lựa chọn đơn vị thẩm định giá: Đơn vị thẩm định giá được lựa chọn phải thuộc danh sách công khai doanh nghiệp đủ điều kiện thẩm định giá tại Thông báo số 955/TB-BTC ngày 20/12/2022 của Bộ Tài chính.
4. Hồ sơ bao gồm gồm:
 - Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm;
 - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp;
 - Chào phí thẩm định giá.

5. Thời gian và địa chỉ nộp hồ sơ

- Báo giá và hồ sơ nộp trước 17h00 ngày 28/7/2023
- Hình thức nộp: văn bản có dấu nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện và dạng văn bản điện tử.
- Địa chỉ nhận: Phòng Kế hoạch-Hợp tác quốc tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, số 1, Yecxanh, Hà Nội. Email: dauthau1@nihe.org.vn.

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương sẽ lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện hoạt động, năng lực, kinh nghiệm và nộp hồ sơ đúng hạn để thương thảo và ký kết hợp đồng.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Viện
- Lưu: VT, KHQT;

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH**



Dương Thị Hồng



PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HOÁ THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 1310/VSDTTU-KHQT ngày 18/7/2023)

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
1.	Oligonucleotide	1. Mục đích: Trình tự nucleotide ngắn do người sử dụng tự thiết kế dùng làm môi trong phản ứng PCR 2. Thành phần: Nucleotide - Tinh sạch bằng desalt - Nồng độ đầu vào: 100 nmol - Dạng đông khô 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống 100 nmol		IDT - Mỹ	10
2.	Enzyme cho phản ứng PCR	1. Mục đích: Enzyme Taq DNA polymerase công nghệ hot-start cho PCR 2. Thành phần gồm: + Platinum II Taq HS DNA Polymerase: 40 μ L + 5X Platinum II PCR Buffer: 1.25 mL + Platinum GC Enhancer: 1.25 mL 3. Điều kiện bảo quản: $- 20^{\circ}\text{C}$ 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 phản ứng	14966001	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	3
3.	Kit tách chiết ADN từ mẫu vi khuẩn	1. Mô tả: Kit tách chiết ADN từ khuẩn lạc 2. Thành phần: - Lượng ban đầu: 1×10^9 cells - Nguyên liệu ban đầu: khuẩn lạc/tế bào vi khuẩn - Năng suất 30 μ g - Thẻ tích rửa giải 50-100 μ L - Công nghệ HiBind® DNA Mini Column 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 100 phản ứng	D3350	Omega - Mỹ	1
4.	Kit tách chiết ADN từ mẫu phân	1. Mô tả: Kit tách chiết ADN từ mẫu phân 2. Thành phần: - Lượng ban đầu: đến 200 mg - Nguyên liệu ban đầu: bệnh phẩm phân - Năng suất 100 μ g - Thẻ tích rửa giải 50-100 μ L - Công nghệ HiBind® DNA Mini Column 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng	Hộp 50 phản ứng	D4015-01	Omega - Mỹ	5

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
		4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.				
5.	Kit tách ADN từ các loại mẫu bệnh phẩm	<p>1. Mục đích sử dụng: Tách chiết ADN từ nhiều nguồn mẫu khác nhau gồm: một lượng nhỏ máu, thê máu, nước tiểu, các mẫu mô nhỏ.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cột lọc: 50 cột - Ống hứng dịch/thu mẫu: 150 chiếc - Đệm ly giải Buffer AL: 12ml - Đệm rửa Buffer ATL: 14ml - Đệm rửa Buffer AW1: 19ml - Đệm rửa Buffer AW2: 14ml - Đệm Buffer AE: 2 x 15 ml - Proteinase K: 1.25ml <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 50 phản ứng	51304	Qiagen - Đức	4
6.	Mồi xuôi 100 nmol	<p>1. Mục đích: Trình tự nucleotide tự thiết kế dùng trong phản ứng realtime PCR</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế theo trình tự người sử dụng yêu cầu - Tinh sạch bằng HPLC - Nồng độ đầu vào: 100 nmol. <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống	Primers	IDT - Mỹ	15
7.	Mồi ngược 100 nmol	<p>1. Mục đích: Trình tự nucleotide tự thiết kế dùng trong phản ứng realtime PCR</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế theo trình tự người sử dụng yêu cầu - Tinh sạch bằng HPLC. - Nồng độ đầu vào: 100 nmol. <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống	Primers	IDT - Mỹ	15

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
8.	Probe huỳnh quang 100 nmol	<p>1. Mục đích: Trình tự nucleotide tự thiết kế gắn đầu dò huỳnh quang dùng trong phản ứng realtime PCR</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế theo trình tự người sử dụng yêu cầu - Nồng độ đầu vào: 100 nmol <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống	Probe	IDT - Mỹ	15
9.	Nucleotid dATP 100mM	<p>1. Mục đích: Nucleotide A tự do dùng cho các ứng dụng PCR, realtime PCR</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp hóa học - pH 7,5 - Tinh sạch > 99% bằng HPLC, nồng độ 100mM. - Ổn định trong 2 năm ở -20°C - Không chứa qPCR, PCR, chất ức chế phiên mã ngược - Không có DNases và RNases - Không chứa DNA của người và E. coli <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 250 uL	10216018	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	5
10.	Nucleotid dGTP 100mM	<p>1. Mục đích: Nucleotide G tự do dùng cho các ứng dụng PCR, realtime PCR</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp hóa học - pH 7,5 - Tinh sạch > 99% bằng HPLC, nồng độ 100mM. - Ổn định trong 2 năm ở -20°C - Không chứa qPCR, PCR, chất ức chế phiên mã ngược - Không có DNases và RNases - Không chứa DNA của người và E. coli <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 250 uL	10218014	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	5

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
11.	Nucleoti d dCTP 100mM	<p>1. Mục đích: Nucleotide C tự do dùng cho các ứng dụng PCR, realtime PCR</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp hóa học - pH 7,5 - Tinh sạch > 99% bằng HPLC, nồng độ 100mM. - Ổn định trong 2 năm ở -20 ° C - Không chứa qPCR, PCR, chất ức chế phiên mã ngược - Không có DNases và RNases - Không chứa DNA của người và E. coli <p>3. Điều kiện bảo quản: -20 ° C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 250 uL	10217016	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	5
12.	Nucleoti d dTTP 100mM	<p>1. Mục đích: Nucleotide T tự do dùng cho các ứng dụng PCR, realtime PCR</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp hóa học - pH 7,5 - Tinh sạch > 99% bằng HPLC, nồng độ 100mM. - Ổn định trong 2 năm ở -20 ° C - Không chứa qPCR, PCR, chất ức chế phiên mã ngược - Không có DNases và RNases - Không chứa DNA của người và E. coli <p>3. Điều kiện bảo quản: -20 ° C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 250 uL	10219012	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	5
13.	Hoá chất chạy Realtime PCR định lượng	<p>1. Mục đích: Master mix dùng cho phản ứng Realtime PCR có UDG2</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được cung cấp ở nồng độ 2X gồm có [40 mM Tris-HCl (pH 8,4), 100 mM KCl, 6 mM MgCl₂, 400 μM dATP, 400 μM dCTP, 400 μM dGTP, 800 μM dUTP, 40 units / ml UDG, 60 units/ ml Platinum™ Taq DNA Polymerase, chất ổn định. - MgCl₂: kèm theo 1 lọ 50 mM. <p>3. Điều kiện bảo quản: -20 ° C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 500 phản ứng	11730025	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	3

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
14.	Túi chỉ thị kỵ khí	1. Mục đích: Kiểm tra và đánh giá chất lượng khí trường trong hộp ủ hoặc tủ nuôi cấy kỵ khí 2. Mô tả: Thành phần gồm giấy thấm dung dịch Resazurin 3. Điều kiện bảo quản: 2-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Hộp 100 gói	BR0055B	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	3
15.	Gói tạo môi trường kỵ khí	1. Mục đích: gói tạo môi trường kỵ khí cho bình jar 2.5L, không cần chất xúc tác và nước 2. Thành phần: Chất khử oxy và chất tạo khí CO2 3. Điều kiện bảo quản: 2-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Hộp 10 gói	AN25US	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	8
16.	Thạch dinh dưỡng nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí	1. Mục đích: phân lập và nuôi cấy sơ cấp vi sinh vật kỵ khí. 2. Thành phần: - Pancreatic Digest of Casein 10.0gm - Peptic Digest of Animal Tissue 10.0gm - Yeast Extract 2.0gm - Sodium Chloride 5.0gm - Dextrose 1.0gm - Sodium Bisulfite 0.1gm - Agar 15.0gm - Sheep Blood, Defibrinated - Hemin & Vitamin K 3. Điều kiện bảo quản: 2-30°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Hộp 500G	C 5301	Hardy Diagnostics - Mỹ	3
17.	Nước cất siêu sạch, khử ion không DNA, RNA	1. Mục đích: Nước khử ion siêu tinh sạch dùng cho sinh học phân tử 2. Thành phần: - Sản phẩm được lọc qua màng 0,1 µm và được kiểm tra hoạt động DNase và Rnase - Đảm bảo: không DNAase, không RNAase, không Molecular Biology Grade, không Protease. 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Chai 500ml	10977015	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	3

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
18.	Thạch điện di sản phẩm real-time PCR chịu nhiệt độ thấp	<p>1. Mục đích: Sử dụng để phân tách các axit nucleic dựa trên kích thước trong các ứng dụng điện di trên gel agarose.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý tưởng để phân tích và phục hồi DNA và RNA cho các ứng dụng thông thường - Cấu trúc gel chắc chắn cho phép xử lý tốt hơn và ít bị vỡ hơn trong điện di sản phẩm PCR kích thước nhỏ. <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Túi 100g	16520100	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	1
19.	Thang chuẩn 100bp	<p>1. Mục đích: Thước chuẩn kích thước DNA 100 bp</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Load trực tiếp lên gel - Có các băng từ 100bp–2000bp <p>3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Lọ	SM0241	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	2
20.	Hóa chất cho phản ứng PCR công nghệ hot-start	<p>1. Mục đích: Master mix chạy PCR công nghệ hot-start</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 x 1.25 mL Platinum Green Hot Start PCR 2X Master Mix - 2 x 1.25 mL Platinum GC Enhancer - 4 x 1.25 mL water, nuclease-free <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 200 phản ứng	13001013	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	2
21.	Kit định lượng DNA chính xác bằng phương pháp huỳnh quang	<p>1. Mục đích: Kit định lượng DNA chính xác bằng phương pháp huỳnh quang</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cho các đời máy Qubit - Sử dụng cho nồng độ mẫu ban đầu từ 10 pg /μL đến 100 ng/μL - Khoảng định lượng DNA: 0.2-100 ng <p>3. Điều kiện bảo quản: 2–8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 500 phản ứng	Q32854	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	5

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
22.	Kit chuẩn bị thư viện DNA	<p>1. Mục đích: Bộ kit chuẩn bị thư viện sẵn sàng cho quá trình giải trình tự để nghiên cứu đối tượng có kích thước genome nhỏ (vi khuẩn, virus), đoạn DNA đích hoặc plasmid cho máy giải trình tự gen thế hệ mới</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian chuẩn bị thư viện: 90 phút - Cơ chế: cắt nhỏ DNA bằng enzyme giới hạn; mẫu đồng thời vừa được cắt nhỏ và được gắn đuôi để kết hợp với trình tự adapter sau đó. - Nồng độ đầu vào: 1 ng DNA - Kích thước đoạn gen đích: 300 bp–1.5 kb - Chuẩn bị thư viện nhanh, được tối ưu hóa cho genome nhỏ, PCR amplicons và plasmids. <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	Hộp 96 phản ứng	FC-131-1096	Illumina - Mỹ	3
23.	Kit đánh dấu thư viện giải trình tự gen	<p>1. Mục đích: Hóa chất dùng để gắn Index tương thích với quy trình chuẩn bị thư viện</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ hợp index có thể kết hợp là 24; tối đa chạy được 24 mẫu/ lần giải trình tự - Tổng số mẫu thực hiện được tối đa là 96 mẫu <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	Hộp 96 phản ứng	FC-131-1001	Illumina - Mỹ	3
24.	Kit chạy máy giải trình tự gen cho máy MiSeq	<p>1. Mục đích: Thuốc thử giải trình tự MiSeq trong các cartridge sẵn sàng sử dụng</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất đầu ra tối đa: 3.8 Gb - Số đoạn đọc tối đa một lần chạy: Lên đến 25 triệu - Loại axit nucleic: DNA, RNA <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C và -4°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>	Hộp 150 cycles	MS-102-3001	Illumina - Mỹ	6

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
25.	Dung dịch tinh sạch sản phẩm trước khi giải trình tự gen	<p>1. Mô tả Dung dịch tinh sạch sản phẩm DNA trước khi giải trình tự gen</p> <p>2. Mô tả Thành phần: AMPure XP, 60 mL - Khả năng phục hồi cao của bộ khuếch đại (> 100 bp) đảm bảo dữ liệu quan trọng không bị mất. - Được ứng dụng cho nhiều quy trình khác nhau: PCR, NGS, cloning, microarray. - Tương thích với xử lý thủ công và tự động, thời gian xử lý thủ công ngắn (<30 phút).</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>4. Điều kiện bảo quản: 2°C đến 8°C</p>	Lọ 60ml	A63881	Beckman Coulter - Mỹ	1
26.	Tween 20	<p>1. Mô tả: Hóa chất Tween 20 dùng cho sinh học phân tử</p> <p>2. Thành phần: Tween 20</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Chai 500ml	P7949-500ML	Merck - Đức	1
27.	Dung dịch NaOH 10M	<p>1. Mô tả: Hóa chất NaOH dùng cho sinh học phân tử</p> <p>2. Thành phần: NaOH nồng độ 10M</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Chai 100ml	72068-100ML	Merck - Đức	1
28.	Dung dịch NaCl 5M	<p>1. Mô tả: Hóa chất NaCl tinh sạch dùng cho sinh học phân tử</p> <p>2. Thành phần: NaOH nồng độ 5M</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Chai 1L	S5150-1L	Merck - Đức	1
29.	Dung dịch đệm TBE 10X	<p>1. Mô tả: Hóa chất TBE dùng cho phòng thí nghiệm sinh học</p> <p>2. Thành phần: Nồng độ 10X, không chứa DNase and RNase</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Chai 1L	T4415-1L	Merck - Đức	1
30.	Dung dịch đệm ly giải DNA	<p>1. Mô tả: Dung dịch đệm dùng để ly giải DNA</p> <p>2. Thành phần: 10 mM Tris-HCl pH 8.5</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Chai 1L	ELUTIO N-1000	Omega - Mỹ	1

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
31.	Ống rửa máy MiSeq	1. Mô tả: Ống chứa hóa chất rửa dùng cho máy Miseq 2. Thành phần: Polypropylene 3. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Gói 20 cái	MS-102-9999	Illumina - Mỹ	20
32.	Ống Qubit	1. Mô tả: Ống 0.5 ml thành mỏng Qubit Dùng để xác định chính xác nồng độ DNA bằng máy đo huỳnh quang Qubit 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Túi 500 cái	Q32856	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	8
33.	Môi trường lưu giữ chủng Skim milk	1. Mô tả: Môi trường lưu giữ chủng Skim milk trong điều kiện nhiệt độ -80°C 2. Thành phần: Sữa bột gầy 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 500G	70166-500G	Merck - Đức	1
34.	Chất xúc tác khử oxy dùng trong tủ nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí	1. Mục đích: chất xúc tác khử oxy dùng trong hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí 2. Thành phần: paladium catalyst 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Gói 900G	260-679	Ruskin - Anh	2
35.	Bình khí hỗn hợp kỵ khí	1. Mục đích: bình khí tạo khí trường cho hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí 2. Thành phần: Hỗn hợp khí tinh khiết N ₂ -CO ₂ -H ₂ theo tỷ lệ 8.5-1-0.5 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Bình 40L		Việt Nam	3
36.	Khí Ni tơ	1. Mục đích: bình khí rửa buồng trung gian cho hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí 2. Thành phần: khí nitơ tinh khiết 99.999% 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 24 tháng	Bình 40L		Việt Nam	4
37.	Đĩa petri tiệt trùng kê sọc 55mm	1. Mô tả: Đĩa petri tiệt trùng kê sọc, kích thước 55mm 2. Bảo quản: nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 900 cái	155	Aptaca - Ý	2

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
38.	Đầu côn không lọc 1000 ul	1.Mô tả: đầu côn dùng để hút mẫu/hóa chất Vật liệu: polypropylene, thể tích 1000ul. Tương thích với nhiều loại pipet, không có màng lọc - Không chứa Dnase/RNase và pyrogen, 2. Bảo quản: nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 cái	1-202	AHN - Đức	5
39.	Đầu côn không lọc 200 ul	1.Mô tả: đầu côn dùng để hút mẫu/hóa chất Vật liệu: polypropylene, thể tích 200ul. Tương thích với nhiều loại pipet, không có màng lọc - Không chứa Dnase/RNase và pyrogen, 2. Bảo quản: nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 cái	1-121	AHN - Đức	5
40.	Đầu côn không lọc 10 ul	1.Mô tả: đầu côn dùng để hút mẫu/hóa chất Vật liệu: polypropylene, thể tích 10ul. Tương thích với nhiều loại pipet, không có màng lọc - Không chứa Dnase/RNase và pyrogen, 2. Bảo quản: nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 cái	1-062	AHN - Đức	5
41.	Ống PCR 0,2 ml có nắp	1. Mô tả: Ống PCR đơn, thể tích 0.2ml thành mỏng, nắp trong, không RNase 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 cái	3-011	AHN - Đức	5
42.	Dải 8 ống PCR 0.2 mL nắp rời	1. Mô tả: - Dải tuýp PCR thể tích 0.2 ml, nắp rời, phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR - Dạng 8 ống/dây (8 tuýp/1 thanh) - Chất liệu nhựa Polypropylene 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 120 dải	24-161 24-306	Genesee - Mỹ	6
43.	Dải 8 ống PCR 0.2 mL nắp liền	1. Mô tả: - Dải tuýp PCR thể tích 0.2 ml, nắp liền, phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR - Dạng 8 ống/dây (8 tuýp/1 thanh) - Chất liệu nhựa Polypropylene 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 120 dải	27-125U	Genesee - Mỹ	11

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
44.	Ống lưu mẫu 2 ml	1. Mô tả: ống nhựa lưu giữ mẫu ở điều kiện -80°C, thể tích 2 ml, làm bằng nhựa Polypropylene vô trùng, không chứa DNase/RNase, 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 50 cái	43012	SPL - Hàn Quốc	6
45.	Đầu côn có lọc 20 ul	1. Mô tả: - Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất, vật liệu: polypropylene, dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 20ul. - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 96 cái	2-118	AHN - Đức	25
46.	Đầu côn có lọc 100 ul	1. Mô tả: - Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất, vật liệu: polypropylene, dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 100ul. - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 96 cái	2-120	AHN - Đức	12
47.	Đầu côn có lọc 200 ul	1. Mô tả: - Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất, vật liệu: polypropylene, dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 200ul. - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 96 cái	2-128	AHN - Đức	7

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
48.	Đầu côn có lọc 1000 ul	<p>1. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất, vật liệu: polypropylene, dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 1000ul. - Màng lọc kỵ nước, trợ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors <p>2. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 96 cái	2-203	AHN - Đức	7
49.	Giấy thấm	<p>1. Mô tả: Giấy thấm không bụi KimWipes dùng trong sinh học phân tử</p> <p>2. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 200 tờ	S200	KimWipes	7
50.	Giấy lau phòng thí nghiệm	<p>1. Mô tả: Giấy thấm dai dùng để vệ sinh khu vực thí nghiệm</p> <p>2. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng		Việt Nam	1
51.	Đĩa 96 giếng	<p>1. Mô tả: Đĩa 96 giếng đáy chữ V, thể tích 0,5ml</p> <p>2. Bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 50 cái	P-96-450V-C	Corning - Mỹ	2
52.	Đĩa 96 giếng chạy ELISA	<p>1. Mô tả: Đĩa Elisa Nunc MaxiSorp® 96 giếng đáy chữ V</p> <p>2. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Cái	442404	Thermo Fisher Scientific - Mỹ	50
53.	Que cấy nhựa 10uL	<p>1. Mô tả: Que cấy nhựa vòng cây lấy được 10ul, màu xanh, vô trùng</p> <p>2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 1000 cái	90010	SPL - Hàn Quốc	4
54.	Que cấy nhựa 1ul	<p>1. Mô tả: Que cấy nhựa loop 1ul, màu trắng, vô trùng</p> <p>2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 1000 cái	90001	SPL - Hàn Quốc	4
55.	Giấy parafin cuộn	<p>1. Mô tả: Giấy parafin cuộn</p> <p>2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Cuộn	PM996	Amcor - Mỹ	3

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
56.	Ống falcon 50 ml	<p>1. Mô tả: Ống nhựa vô trùng 50mL</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu được lực ly tâm tối đa: 14,000 xg - Có vạch chia thể tích - Đã tiệt trùng - Không chứa nội độc tố, không chứa Rnase và DNase - Vật liệu: PP/ HDPE <p>2. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Túi	50050	SPL - Hàn Quốc	12
57.	Lọ đựng bệnh phẩm 50 ml	<p>1. Mô tả: Ống nhựa vô trùng 50mL, đã tiệt trùng. Không chứa nội độc tố- Vật liệu: PP/ HDPE</p> <p>2. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Cái	400050	SPL - Hàn Quốc	300
58.	Ống 5ml nắp xoáy	<p>1. Mô tả: Ống nhựa 5ml, nắp xoáy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu được lực ly tâm tối đa: 1,400 xg, chịu được nhiệt độ -80⁰C - Có vạch chia thể tích - Đã tiệt trùng - Không chứa nội độc tố, không chứa Rnase và DNase - Vật liệu: PP/ HDPE <p>2. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 500 cái	40005	SPL - Hàn Quốc	4
59.	Ống eppendorf 1,5ml	<p>1. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống ly tâm 1.5 ml bằng nhựa Polypropylene, đáy nhọn - Chịu lực ly tâm tối đa: 25,000 x G - Không chứa RNase/DNase và pyrogen <p>2. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 5000 cái	3-207	AHN - Đức	4
60.	Ống eppendor f 1,7 ml	<p>1. Mô tả: Ống eppendorf nắp vận 1,7 ml</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu được lực ly tâm tối đa: 14,000 x G - Cap Style: Snap cap - Không chứa RNase/DNase và pyrogen <p>2. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 1000 cái	MTC-175-C	Corning - Mỹ	5

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Hãng, nước sản xuất	Số lượng
61.	Găng tay có bột	1. Mô tả: Găng tay cao su latex, có bột, size S/M 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 10 hộp, hộp 50 đôi		ASAP - Malaysia	3
62.	Găng tay không bột	1. Mô tả: Găng tay cao su latex, không bột, size S/M 3. Bảo quản nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 10 hộp, hộp 50 đôi		ASAP - Malaysia	6
63.	Transfer pipette 3,5 ml	1. Mô tả: Pipette nhựa thể tích 3,5 ml - Kích thước (LxW): 155 x 15 mm, - Vật liệu: LD-PE - Tiết trùng từng cái 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng. 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 840 cái	86.1171.001	Sarstedt - Đức	2
64.	Đĩa petri 60mm	1. Mô tả: Đĩa petri phi 60mm, cao 15mm Diện tích tăng trưởng: 21.50cm ² 2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 500 cái	10060	SPL - Hàn Quốc	5
65.	Màng lọc	1. Mô tả: Bộ lọc ống tiêm màng cellulose acetate/sợi thủy tinh, 5.3cm ² , 0.2 μ m, màu xanh, 2. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 50 cái	17823K	Sartorius - Đức	5